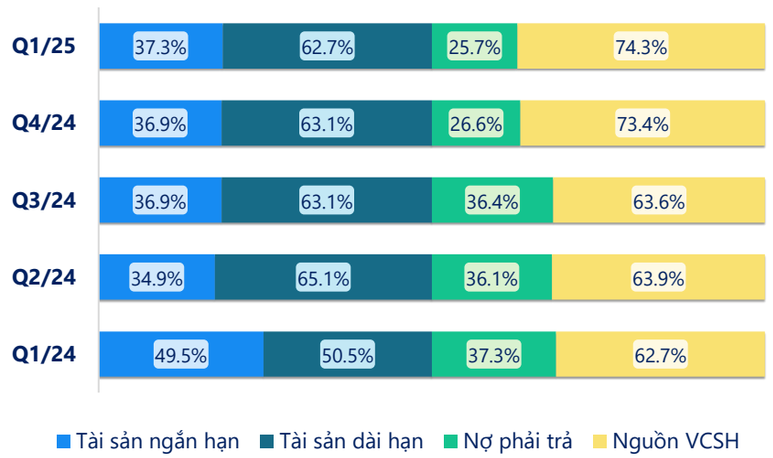
FireAnt

CTCP Đầu tư và Thương mại Vũ Đăng (HSX: SVD)

Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	3,250
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	3,570
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	2,410
SL cổ phiếu LH	27,605,908
KLGD BQ 20 phiên (CP)	28,150
% sở hữu nước ngoài	0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	90
P/E	5.2
EPS	623

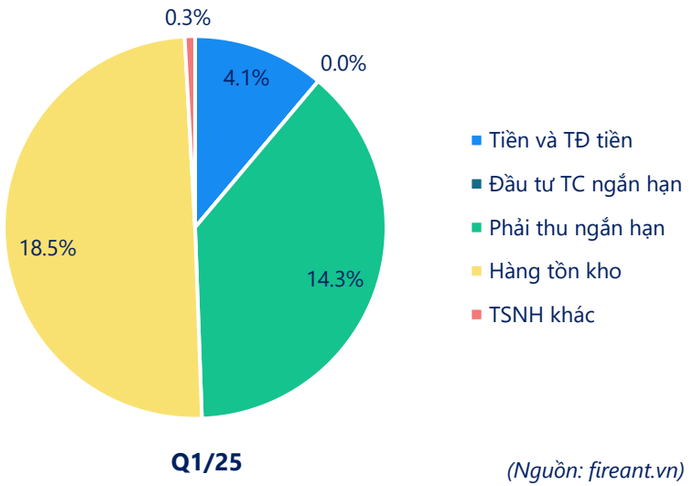
	YTD	1T	3T	6T
SVD	-1.5%	0.0%	0.0%	-2.7%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



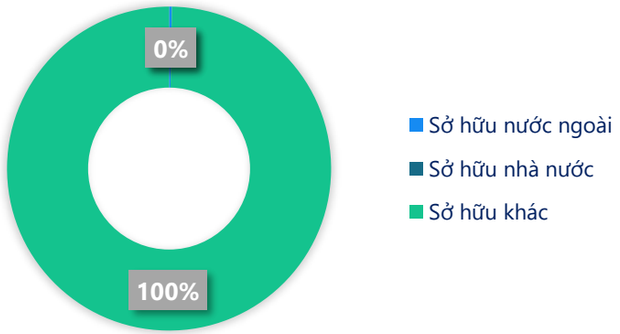
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



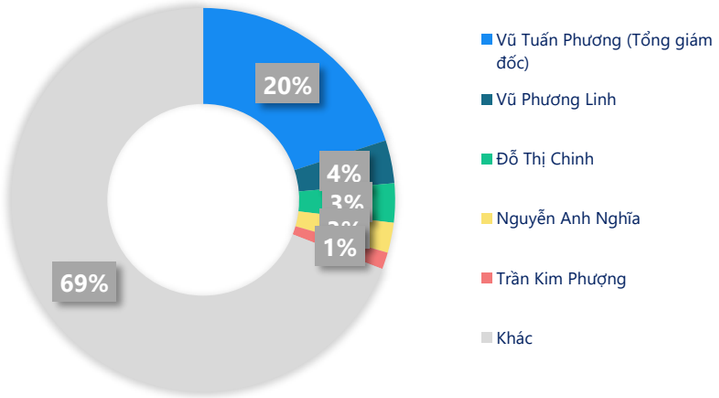
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



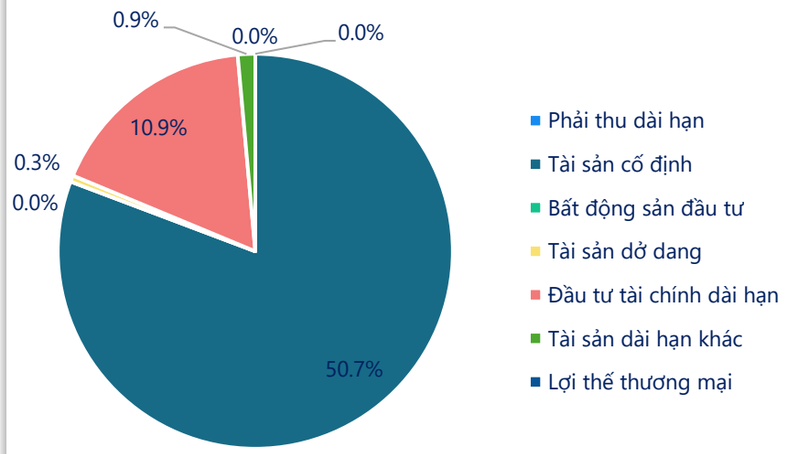
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

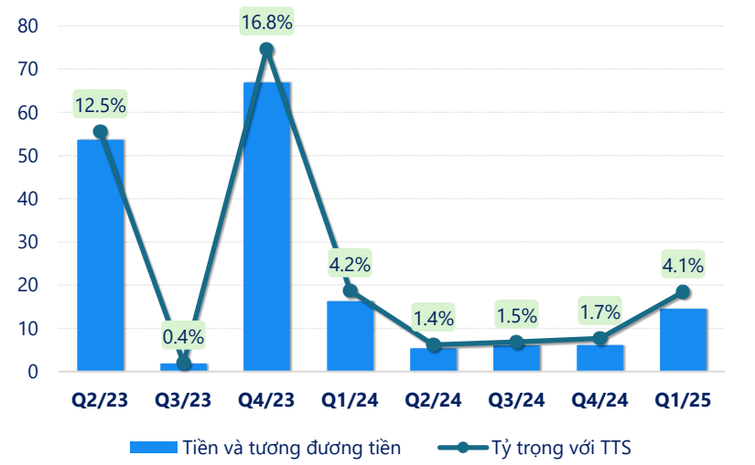


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

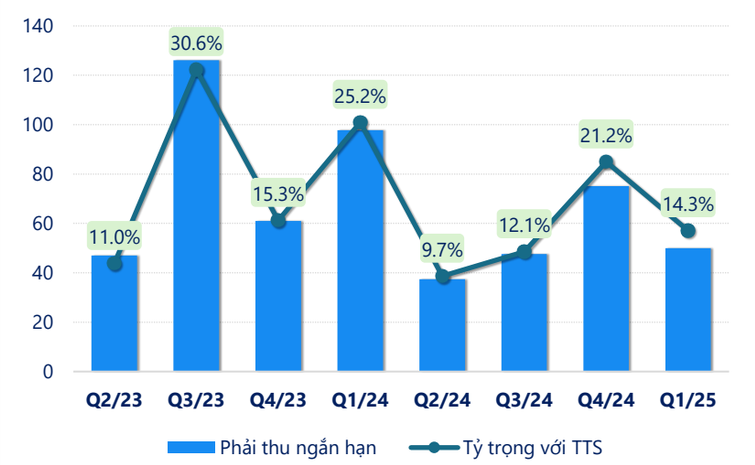
CTCP Đầu tư và Thương mại Vũ Đăng (HSX: SVD)

Tiền và tương đương tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



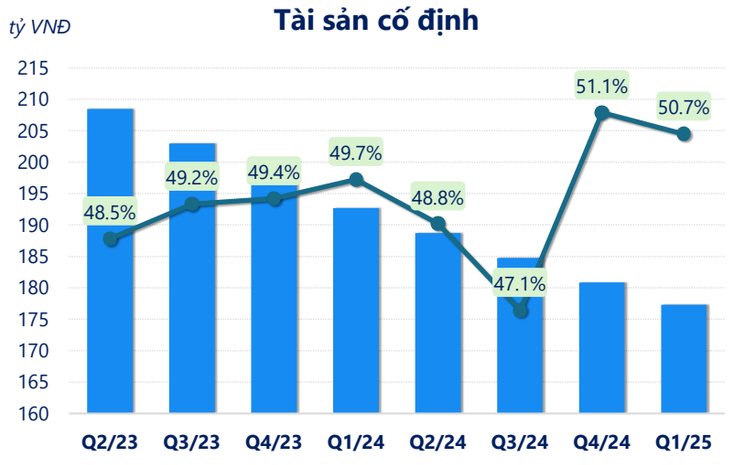
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



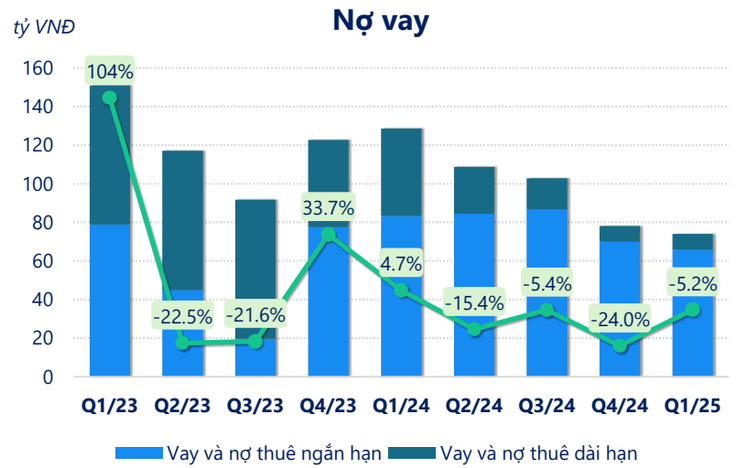
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



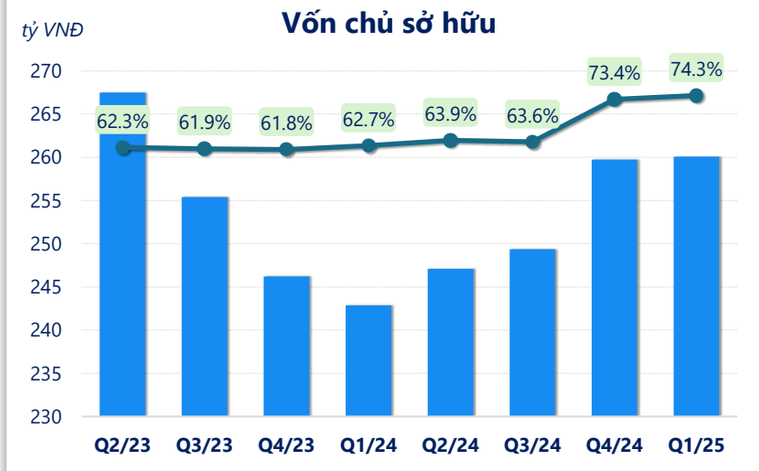
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

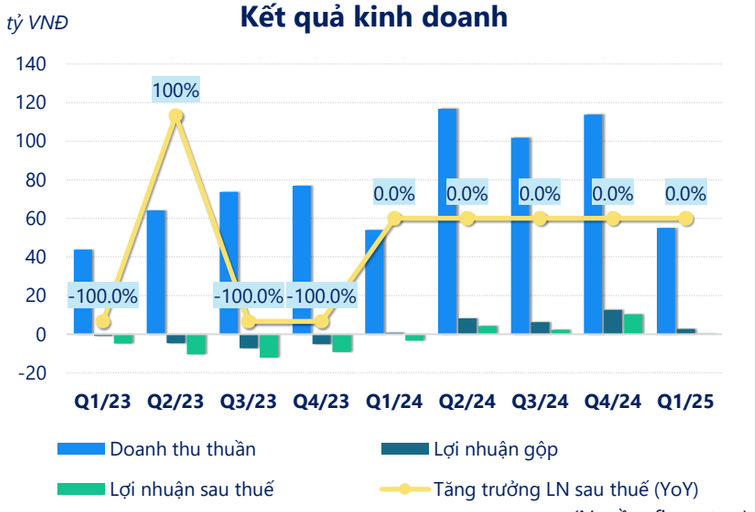


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

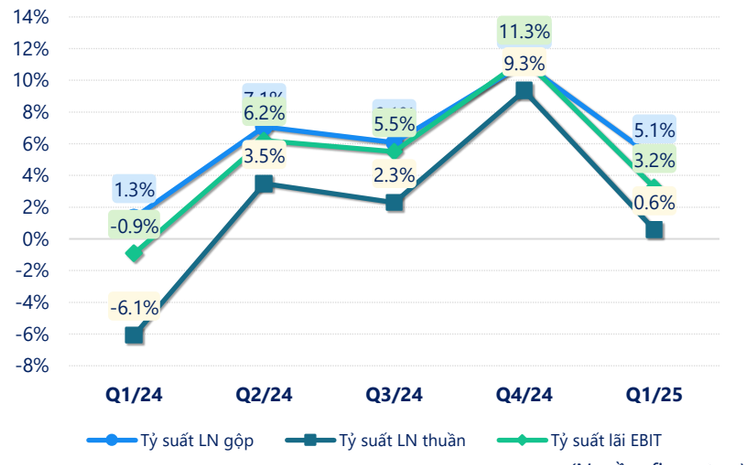
CTCP Đầu tư và Thương mại Vũ Đăng (HSX: SVD)

Kết quả kinh doanh



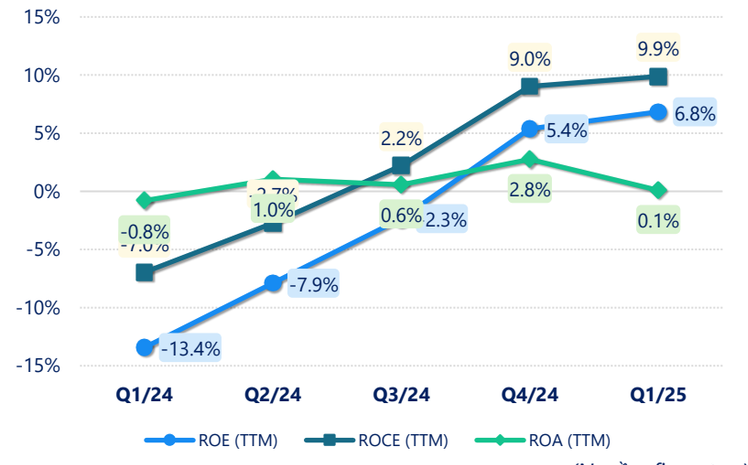
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



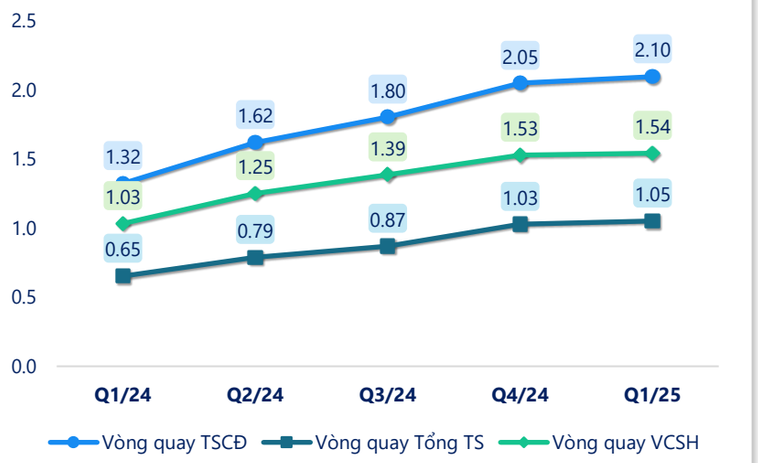
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



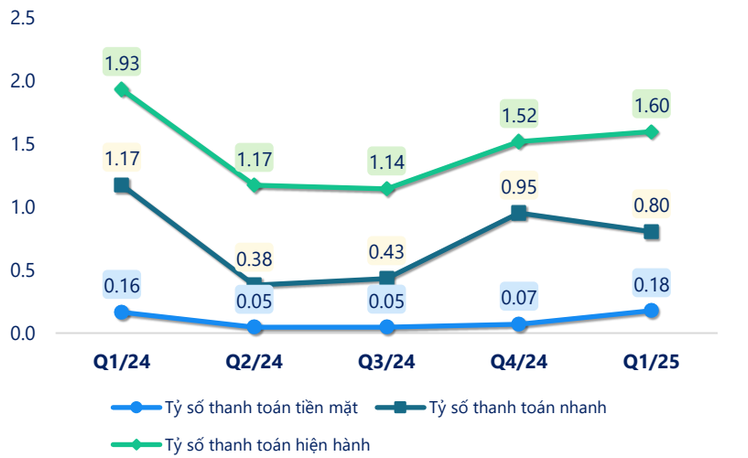
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



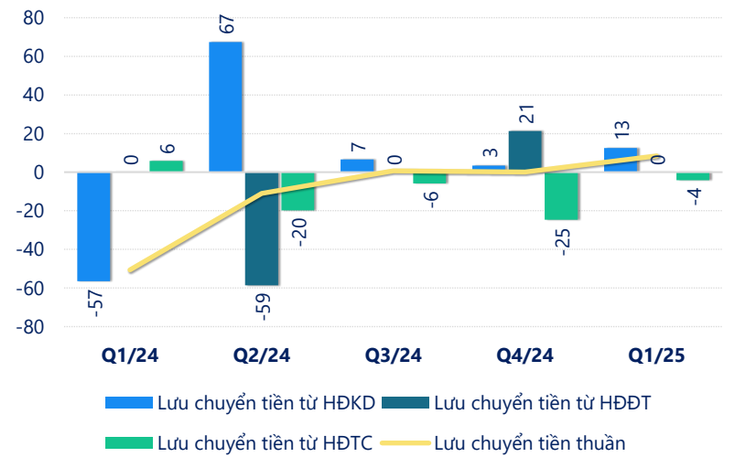
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Đầu tư và Thương mại Vũ Đăng (HSX: SVD)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**350**	**354**	**-1.1%**
Tài sản ngắn hạn	130	131	-0.2%
Tiền và tương đương tiền	14.5	6.10	138%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	49.9	75.2	-33.6%
Hàng tồn kho	64.8	48.8	32.7%
Tài sản ngắn hạn khác	1.14	0.53	113%
Tài sản dài hạn	**220**	**223**	**-1.7%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	177	181	-2.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.15	1.15	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	38.0	38.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**3.13**	**3.35**	**-6.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	89.9	94.2	-4.6%
Nợ ngắn hạn	**81.7**	**86.0**	**-5.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	65.8	69.9	-5.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	5.96	6.39	-6.7%
Nợ dài hạn	8.24	8.24	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	8.24	8.24	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**260**	**260**	**0.1%**
Vốn chủ sở hữu	**260**	**260**	**0.1%**
Vốn điều lệ	276	276	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	54.0	117	102	114	55.1
Giá vốn hàng bán	53.3	109	95.6	101	52.3
Lợi nhuận gộp	0.72	8.26	6.18	12.6	2.81
Doanh thu HĐTC	0.06	0.00	0.00	1.30	0.00
Chi phí TC	3.20	3.21	3.02	2.27	1.65
Chi phí lãi vay	2.79	3.00	3.32	2.27	1.46
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.00	0.01	0	0.00	0.01
Chi phí QLDN	0.86	0.97	0.83	0.99	0.84
LN thuần từ HĐKD	-3.28	4.08	2.32	10.6	0.31
Lợi nhuận khác	0.00	0.17	-0.04	-0.01	0.01
LN trước thuế	-3.28	4.24	2.28	10.6	0.32
Lợi nhuận sau thuế	-3.28	4.24	2.28	10.4	0.32
LNST của CĐ cty mẹ	-3.28	4.24	2.28	10.4	0.32

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-56.6	67.4	6.57	3.46	12.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.12	-58.5	0.00	21.2	0.01
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	5.82	-19.9	-5.88	-24.6	-4.10
Tiền đầu kỳ	66.9	16.3	5.36	6.05	6.10
Lưu chuyển tiền thuần	**-50.6**	**-11.0**	**0.69**	**0.05**	**8.42**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	0	0	0
Tiền cuối kỳ	16.3	5.36	6.05	6.10	14.5

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic